

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐỀ ÁN

**TỔ CHỨC LẠI VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH
CỤC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THUỘC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT.....	1
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT	1
I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
II. SỰ CẦN THIẾT TỔ CHỨC LẠI VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH CỤC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	3
PHẦN THỨ HAI.....	17
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP CỤC THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT	17
I. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ THÀNH LẬP CỤC.....	17
II. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC LẠI TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH.....	25
PHẦN THỨ BA.....	27
PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH CỤC CÔNG NGHIỆP CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG	27
I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ.....	27
II. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI CỦA TỔ CHỨC.....	27
III. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN	27
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC	29
V. SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC	33
VI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	33
VII. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ LỘ TRÌNH HOẠT ĐỘNG	34
PHẦN THỨ TƯ	35
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	35

PHẦN THỨ NHẤT
CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản, quy định pháp luật

- Luật tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015;
- Luật công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;
- Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật CNTT về công nghiệp công nghệ thông tin;
- Nghị định 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thông báo số 382/TB-VPCP ngày 01/10/2018 của Văn phòng Chính phủ, trong đó Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương cho phép Bộ Thông tin và Truyền thông thành lập Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trên cơ sở tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin hiện có.

2. Chủ trương, nghị quyết của Đảng, Chính phủ về phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, trong đó coi ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là một trong những ngành ưu tiên tập trung phát triển để đưa Việt Nam chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.
- Phát triển mạnh ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thành ngành kinh tế mũi nhọn đã được khẳng định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt

Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, cụ thể: Ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với thu hút các tập đoàn công nghiệp CNTT và truyền thông đa quốc gia, hình thành các trung tâm nghiên cứu - phát triển; Xây dựng hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ CNTT đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế; Cơ cấu lại các hoạt động sản xuất CNTT theo hướng tăng hàm lượng công nghệ và tăng tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm và dịch vụ; hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, có hàm lượng tri thức và công nghệ lớn, đem lại giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định ngành công nghiệp CNTT là một cấu phần quan trọng trong việc xây dựng hạ tầng thông tin, góp phần hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 theo Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 với đặc điểm là tận dụng một cách triệt để sức mạnh lan tỏa của số hóa và CNTT, theo đó giao Bộ Thông tin và Truyền thông tập trung phát triển một số lĩnh vực, sản phẩm trọng điểm về công nghiệp CNTT và truyền thông có vai trò then chốt trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Để đạt được các mục tiêu, trọng trách mà Đảng và Nhà nước giao, đòi hỏi cần phải có tổ chức bộ máy và nguồn lực tương xứng để triển khai các nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông là một khâu quan trọng nhằm tăng cường hoạt động thực thi pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông (công nghiệp ICT), đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, phù hợp với các quy định pháp luật và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

II. SỰ CẦN THIẾT TỔ CHỨC LẠI VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH CỤC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

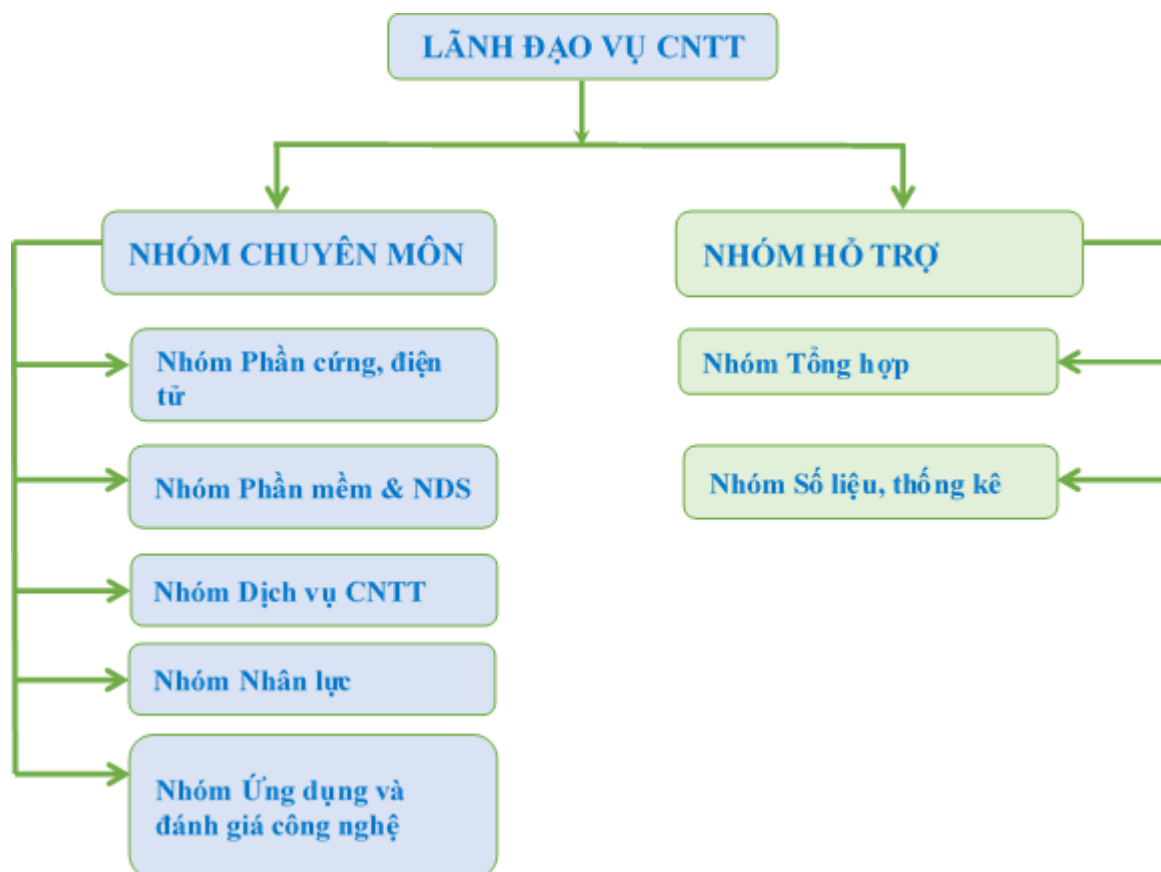
1. Thực trạng tổ chức và hoạt động của Vụ Công nghệ thông tin trước khi tổ chức lại

Ngày 12/03/2003, Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông đã ký Quyết định thành lập Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, là cơ quan tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm trong lĩnh vực điện tử, bưu chính, viễn thông và CNTT trong phạm vi cả nước. Ngày 16/4/2008, trên cơ sở Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Vụ Công nghệ thông tin theo Quyết định số 24/2008/QĐ-BTTTT.

Đến nay, theo Quyết định số 1596/QĐ-BTTTT ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Công nghệ thông tin là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT và truyền thông bao gồm: Công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu CNTT tập trung. Về mặt tổ chức, biên chế, theo Quyết định số 1698/QĐ-BNV ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Công nghệ thông tin đã bố trí **24** cán bộ, công chức theo 06 nhóm việc làm bao gồm 01 nhóm lãnh đạo Vụ, 05 nhóm chuyên môn - nghiệp vụ, 01 nhóm hỗ trợ - phục vụ.

Sau hơn 15 năm hoạt động, với tinh thần đoàn kết và quyết tâm vượt qua những khó khăn, thách thức, Chi bộ, cán bộ và công chức Vụ Công nghệ thông tin đã phát huy tinh thần cách mạng, nỗ lực phấn đấu, phát huy mọi tiềm năng để tham mưu, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông - ngành kinh tế, kỹ thuật mũi nhọn của đất nước. Triển khai chức năng nhiệm vụ được phân công, Vụ Công nghệ thông tin đã tham mưu Bộ trưởng ban hành, trình các cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản quan trọng quản lý, thúc đẩy phát triển ngành và tổ chức thực hiện theo phân công. Một số văn bản điển hình: Luật công nghệ thông tin năm 2006; Nghị quyết số 36/NQ-TW của Bộ Chính trị về thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-TW; Nghị định số 71/2007/NĐ-CP về công nghiệp CNTT; Nghị định số 154/2013/NĐ-CP về khu CNTT tập trung; Quyết định

số 392/QĐ-TTg về chương trình mục tiêu công nghiệp CNTT; Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg về các trường hợp cho phép nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng; Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg về quy chế triển khai chương trình công nghiệp phần mềm (51/2007/QĐ-TTg) và chương trình công nghiệp nội dung số (57/2007/QĐ-TTg)...



Hình 1: Mô hình tổ chức hiện tại của Vụ Công nghệ thông tin

Bên cạnh đó, được sự ủy quyền của Lãnh đạo Bộ, Vụ Công nghệ thông tin đã và đang thực hiện các hoạt động thực thi như: tổ chức các Chương trình phát triển sản phẩm và dịch vụ CNTT thương hiệu Việt; xác nhận cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm để được hưởng các chính sách ưu đãi của ngành; thẩm định việc thành lập, công nhận các Khu CNTT tập trung; xử lý xác nhận các trường hợp nhập khẩu sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu phục vụ sản xuất và nghiên cứu khoa học; triển khai các chương trình hỗ trợ, đào tạo doanh nghiệp đạt các chứng chỉ CMM, CMMi, ISO27000... trong khuôn khổ Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm, nội dung số quốc gia; xác nhận và công bố các chuẩn kỹ năng nghề, kỹ năng nhân lực CNTT; điều tra, thu thập, công bố, cung cấp cho các tổ chức quốc tế các số liệu thống kê ngành; đánh giá, xếp hạng mức độ sẵn sàng về phát triển CNTT...

Với sự hoạt động hiệu quả, chất lượng tham mưu tốt, ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã đạt được nhiều thành tựu, là một trong những ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất trong các ngành kinh tế, doanh thu cao nhất (120 tỷ đô la Mỹ). Vụ Công nghệ thông tin đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng nhì giai đoạn 2013 - 2017, Huân chương lao động hạng ba giai đoạn 2007 - 2011 và nhiều hình thức khen thưởng khác.

Mặc dù vậy, từ xu hướng phát triển trên thế giới và thực trạng phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông nước ta những năm gần đây đã làm nảy sinh những thách thức, khó khăn phức tạp trong công tác quản lý nhà nước, thực thi thúc đẩy phát triển ngành khi hoạt động theo mô hình cấp Vụ với những hạn chế lớn về triển khai các hoạt động thực thi, chưa tương xứng với quy mô của ngành. Kinh phí triển khai các Chương trình, đề án phải phụ thuộc vào hoạt động chung của Văn phòng Bộ, phải thành lập Ban quản lý chương trình với sự tham gia của các bên mất rất nhiều thời gian và phụ thuộc; những trường hợp xác nhận đơn giản, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về mặt công nghệ và thời gian phải qua các vòng xin phân cấp ủy quyền từng trường hợp cá biệt do Vụ không đủ thẩm quyền. Vô hình chung làm phát sinh thêm thời gian và giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh của quốc gia. Trong suốt hơn 15 năm hoạt động, Vụ chưa tổ chức được bất kỳ một cuộc thanh tra, kiểm tra nào liên quan đến lĩnh vực quản lý của Vụ. Thêm vào đó, sự phát triển nhanh chóng về quy mô ngành, về công nghệ mới, đặc biệt là xu thế của CMCN 4.0 và nền kinh tế số tạo ra những thách thức to lớn đòi hỏi phải tăng cường công tác thực thi chính sách pháp luật để giải quyết kịp thời để tận dụng tốt nhất những cơ hội để phát triển bứt phá, tạo động lực, nền tảng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

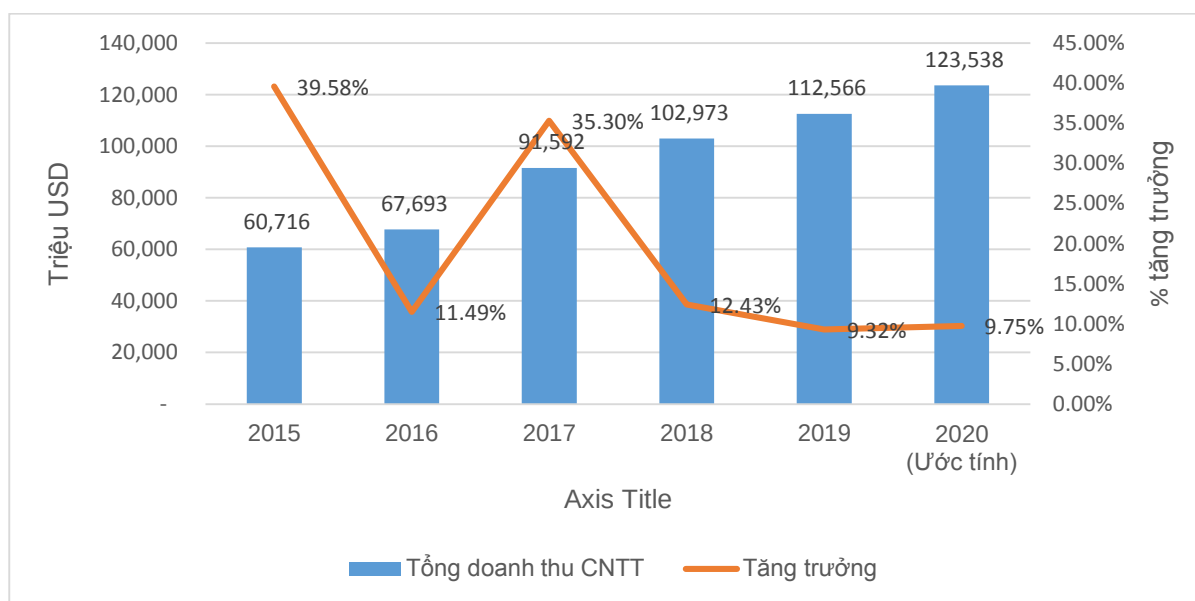
2. Thành lập Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông để giải quyết các tồn tại, hạn chế về thực thi của mô hình cấp Vụ

a) Quy mô ngành đã lớn gấp nhiều lần so với 10 năm trước nên phát sinh nhiều vấn đề về quản lý và thực thi

a.1- Ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có quy mô lớn, là một trong các ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất của nền kinh tế quốc dân

Trong bối cảnh dịch Covid-19, nhiều lĩnh vực của nền kinh tế đang suy giảm, lĩnh vực công nghiệp CNTT tiếp tục giữ vững được sự tăng trưởng dù chưa đạt được mức tăng trưởng như các năm trước. Tổng doanh thu công nghiệp CNTT năm

2020 đạt 123,5 tỷ USD, gấp 20 lần so với năm 2009 (6,2 tỷ USD) và gấp hơn 2 lần năm 2015. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015-2020 đạt bình quân 15,2%/năm, cao hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng GDP, trở thành một trong những ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất, quy mô lớn nhất của cả nước. Năm 2020, Việt Nam đã hình thành đội ngũ lao động công nghệ số với hơn 1 triệu người. Các doanh nghiệp công nghiệp CNTT đã nộp ngân sách nhà nước gần 60 nghìn tỷ đồng. Các mặt hàng công nghiệp CNTT đặc biệt là điện thoại và máy tính vẫn đứng vững trong danh sách top 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam năm 2020, đưa ngành công nghiệp phần cứng, điện tử của Việt Nam xuất siêu hơn 15 tỷ USD.



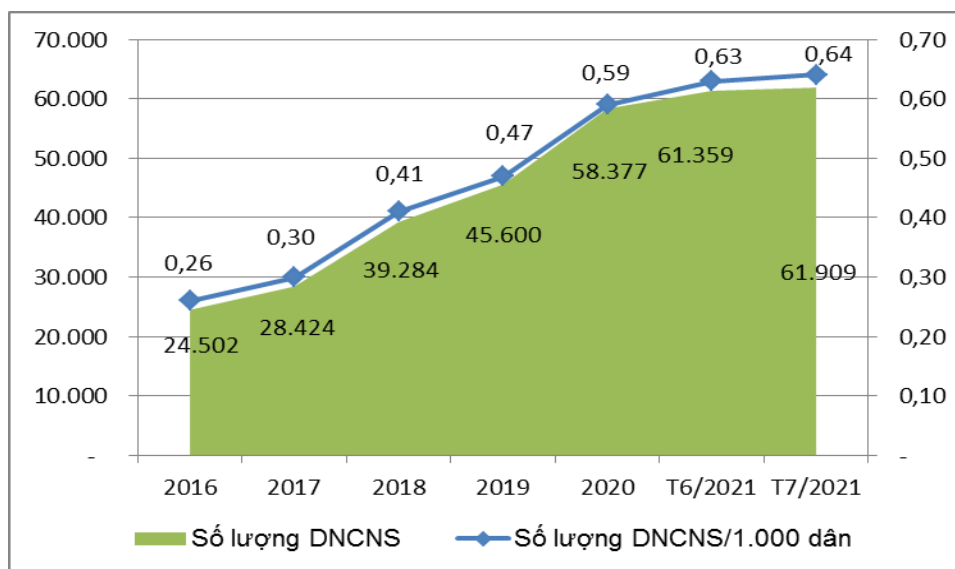
Về đóng góp cho GDP, nếu trong các giai đoạn trước năm 2015, ngành công nghiệp CNTT thường được đánh giá là “quy mô ngành công nghiệp còn nhỏ, giá trị gia tăng chưa cao”. Tuy vậy, từ năm 2015 trở lại đây, ngành công nghiệp CNTT đã có một vị thế hoàn toàn khác. Đến nay, công nghiệp CNTT đã trở thành lĩnh vực có quy mô lớn của nền kinh tế cả về doanh thu, xuất khẩu, chiếm tỉ trọng cao trong đóng góp ngân sách nhà nước cũng như đóng góp cho GDP.

Một số số liệu phát triển ngành công nghiệp CNTT giai đoạn 2016-2020

	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020 (Ước tính)
Số lượng doanh nghiệp						
Doanh nghiệp phần cứng, điện tử	Doanh nghiệp	3.404	4.001	4.745	5.365	5.926
Doanh nghiệp phần mềm	Doanh nghiệp	7.433	8.883	11.919	12.423	13.340

	Đơn vị tính	2016	2017	2018	2019	2020 (Ước tính)
	ngành					
Doanh nghiệp nội dung số	Doanh ngành	2.700	3.202	3.561	3.982	4.596
Doanh nghiệp dịch vụ CNTT	Doanh ngành	10.965	12.338	19.059	20.366	20.670
Tổng số doanh nghiệp	Doanh ngành	24.502	28.424	39.284	42.136	44.532
Lao động lĩnh vực Công nghiệp CNTT						
Tổng số lao động	Người	780.926	922.521	973.692	1.005.206	1.030.000
Công nghiệp phần cứng, điện tử	Người	568.288	678.917	717.955	760.097	761.338
Công nghiệp phần mềm	Người	97.387	112.004	127.366	143.149	130.213
Công nghiệp nội dung số	Người	46.646	55.908	51.952	42.479	57.138
Công nghiệp dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Người	68.605	75.692	76.419	59.481	81.310

Về doanh nghiệp công nghiệp CNTT, doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam



Công nghiệp phần cứng

Công nghiệp phần cứng, điện tử viễn thông (bao gồm sản xuất máy tính và linh kiện, thiết bị điện tử viễn thông gồm điện thoại di động và linh kiện) có tốc độ tăng trưởng cao, tính riêng giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng trung bình hàng năm đạt khoảng 15,7%, cơ bản đáp ứng được nhu cầu trong nước về các loại sản phẩm điện tử dân dụng, điện lạnh và máy tính. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu sản phẩm

phần cứng, điện tử viễn thông (kể cả từ khối FDI của Việt Nam) được xếp vào top 2 thế giới về sản xuất điện thoại di động và linh kiện, top 10 thế giới về xuất khẩu mạch điện tử và linh kiện và top 12 thế giới về xuất khẩu thiết bị máy tính. Năm 2020, doanh thu xuất khẩu sản phẩm phần cứng ước đạt trên 95,8 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm máy tính, điện thoại và linh kiện điện tử đã được xuất khẩu tới 35 nước trong khu vực và trên thế giới.

Top 15 quốc gia dẫn đầu thế giới về xuất khẩu phần cứng, điện tử - viễn thông năm 2020

TT	XUẤT KHẨU ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VÀ LINH KIỆN			XUẤT KHẨU MẠCH ĐIỆN TỬ VÀ LINH KIỆN			XUẤT KHẨU THIẾT BỊ MÁY TÍNH		
	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu	Quốc gia	Doanh thu xuất khẩu (tỷ USD)	Thị phần toàn cầu
1	China	126,1	50,9%	Hong Kong	153,9	19,6%	China	170,2	45,3%
2	Vietnam	35,3	14,2%	Taiwan	122,9	15,7%	Mexico	31,8	8,5%
3	Hong Kong	27,5	11,1%	China	117,1	14,9%	United States	24,8	6,6%
4	United States	9,6	3,9%	Singapore	86,3	11,0%	Hong Kong	24,2	6,4%
5	Czech Republic	6,5	2,6%	South Korea	82,9	10,6%	Germany	15,6	4,2%
6	Germany	6	2,4%	Malaysia	49,3	6,3%	Czech Republic	14,3	3,8%
7	South Korea	4,1	1,7%	United States	44,2	5,6%	Netherlands	12,6	3,4%
8	Singapore	3,97	1,6%	Japan	28,9	3,7%	Thailand	11,7	3,1%
9	Slovakia	3,61	1,5%	Philippines	20,2	2,6%	Taiwan	10,6	2,8%
10	Austria	3,4	1,4%	Vietnam	14	1,8%	Singapore	7,3	1,9%
11	India	3	1,2%	Germany	12,7	1,6%	Poland	6,2	1,7%
12	Netherlands	2,5	1,0%	Netherlands	11,6	1,5%	Vietnam	5,5	1,5%
13	Sweden	2,4	1,0%	Ireland	8,2	1,0%	Malaysia	5	1,3%
14	Italy	1,5	0,6%	Thailand	7,1	0,9%	United Kingdom	4,4	1,2%
15	United Kingdom	1,2	0,5%	France	6,5	0,8%	Ireland	4,2	1,1%

Nguồn: World's Top Exports¹

Công nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT

Ngành công nghiệp phần mềm, dịch vụ CNTT có tốc độ phát triển cao, được ghi nhận trên bản đồ CNTT thế giới. Nhiều doanh nghiệp phần mềm có chứng chỉ

¹ <http://www.worldstopexports.com/electronic-circuit-component-exports-country/>
<http://www.worldstopexports.com/cellphone-exports-by-country/>

quản lý chất lượng sản xuất phần mềm CMMi, trong đó có những doanh nghiệp đã đạt CMMi mức cao nhất (mức 5) như: Fsoft, Luxoft, Global Cybersoft, CSC và TMA. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng hơn 12,1%/năm. Doanh thu năm 2020 ước đạt 12,4 tỷ USD. Nhiều doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đã có khả năng cạnh tranh được với các doanh nghiệp Ấn Độ, Trung Quốc trên thị trường dịch vụ phần mềm thế giới. Việt Nam thường xuyên được các tổ chức có uy tín đánh giá và xếp hạng cao trong danh sách các điểm đến hấp dẫn nhất thế giới về dịch vụ ủy thác phần mềm xuất khẩu². Năm 2021, Việt Nam được xếp thứ 6/60 về gia công dịch vụ phần mềm theo đánh giá của AT. Kearney. Theo khảo sát của Tập đoàn tư vấn NeoIT có trụ sở tại Hoa Kỳ, Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội được xếp vào nhóm các thành phố dịch vụ ủy thác hấp dẫn nhất thế giới. Một số các sản phẩm phần mềm đóng gói thương hiệu Việt bắt đầu chiếm lĩnh thị phần trong nước.

Công nghiệp nội dung

Trong các lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp CNTT, ngành công nghiệp nội dung số được kỳ vọng có nhiều tiềm năng về giá trị gia tăng và năng suất lao động cao. Tuy vậy, cho đến nay quy mô của ngành này còn khá khiêm tốn, chỉ chiếm 0,8% tổng doanh thu ngành. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp nội dung số giai đoạn 2015 – 2020 chỉ đạt 7,9% khá khiêm tốn so với tốc độ phát triển chung của ngành. Về số lượng doanh nghiệp, đến năm 2020 có gần 4.600 doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này so với số lượng doanh nghiệp 2.339 năm 2015. Doanh thu của lĩnh vực ước đạt 934 triệu USD. Một số doanh nghiệp chiếm lĩnh được thị trường nội địa và bước đầu đầu tư, cung cấp dịch vụ ra thị trường nước ngoài. Năm 2020, Việt Nam được xếp top 7 trong các nước xuất khẩu trò chơi điện tử (video games) lớn nhất thế giới chiếm 4,4% thị phần với 954,7 triệu USD – theo Worltopexports (*lớn hơn doanh thu của ngành nội dung số do một phần được tính vào phần mềm*).

Nhân lực CNTT

Nguồn nhân lực CNTT nước ta luôn đạt tốc độ tăng trưởng cao, đến năm 2020, tổng số lao động làm việc trong ngành công nghiệp CNTT ước tính là 1.030.000 người, tăng bình quân 7,38%/năm trong giai đoạn 2015-2020.

Thực thi pháp luật về phát triển nguồn nhân lực CNTT, cơ cấu nguồn nhân lực CNTT Việt Nam cũng được hình thành theo các lĩnh vực phát triển công nghiệp

² <https://www.kearney.com/digital/article/?/a/the-2021-kearney-global-services-location-index>

CNTT, bao gồm các nhóm chính như: nhân lực công nghiệp phần cứng và điện tử; nhân lực công nghiệp phần mềm; nhân lực công nghiệp nội dung số và nhân lực dịch vụ CNTT. Về cơ cấu cụ thể như sau:

- Lao động ngành công nghiệp phần cứng, điện tử ước tính khoảng 760.000 người, chiếm 73,9% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT năm 2020. Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2015-2020 đạt 7,39%, chủ yếu trình độ trung cấp hoặc phổ thông trung học.

- Lao động ngành công nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT ước tính khoảng 211.000 người, chiếm 20,54% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT, tốc độ tăng trưởng bình quân/năm 7,95%. Nhân lực làm phần mềm và dịch vụ CNTT chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học.

- Lao động ngành công nghiệp nội dung số ước tính khoảng 57.000, chiếm 5,5% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT; Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm giai đoạn 2015-2020 đạt khoảng 5,7%. Nhân lực làm nội dung số chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học.

Về năng lực và kỹ năng, nguồn nhân lực CNTT Việt Nam được đánh giá khá cao trên bình diện quốc tế. Việt Nam xếp hạng 29 trên toàn thế giới trong bảng xếp hạng kỹ năng lập trình viên của Skillvalue report năm 2018. Năm 2017, sinh viên Việt Nam xếp thứ 34/128 tại kỳ thi lập trình quốc tế ACM/ICPC). Việt Nam liên tục lọt vào top 10 nước gia công phần mềm hấp dẫn Châu Á - Thái Bình Dương. Đến năm 2019, Việt Nam xếp thứ 5/55 nước dẫn đầu về dịch vụ gia công quy trình (BPO), và xếp thứ 28/100 nước về trò chơi trực tuyến, xếp thứ 2 thế giới về xuất khẩu smartphone và thiết bị văn phòng theo thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Về hướng phát triển, nguồn nhân lực CNTT Việt Nam đang phát triển theo xu thế đào tạo kỹ năng, công nghệ mới theo nhu cầu doanh nghiệp, thị trường, kết hợp chặt chẽ doanh nghiệp - trường - viện trong đào tạo nhân lực CNTT. Cụ thể:

- Ngoài đào tạo chính quy bậc đại học, cao đẳng, trung cấp ngành CNTT, hiện nay còn hình thức đào tạo theo nhu cầu để cập nhật các công nghệ mới cho doanh nghiệp và người lao động. Nhiều cơ sở đào tạo đã tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn với các nội dung theo đặt hàng của doanh nghiệp hoặc nhu cầu lớn trong thị trường như đào tạo cập nhật các công nghệ của các hãng công nghệ lớn như Oracle, Microsoft, Cisco...

- Các doanh nghiệp mở ra các viện, trường đào tạo riêng như FPT, TMA, VNG, các cơ sở đào tạo chuyên về công nghệ mới như AI, IoT (Học viện AI, Học viện Sofia...).

- Một số viện đào tạo (như Viện CNTT - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Viện CNTT Đại học Bách khoa Hà Nội...) đào tạo riêng một số khóa học chuyên sâu, các trường Đại học có đào tạo ngắn hạn theo đặt hàng doanh nghiệp.

- Nhiều trường đại học và doanh nghiệp đã bắt đầu hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu, tập trung chính vào phối hợp xây dựng các phòng Lab, phòng thí nghiệm thực hành chung và phối hợp tìm kiếm đầu ra cho sinh viên.

Khu CNTT tập trung

Khu CNTT tập trung là hạ tầng quan trọng để phát triển ngành công nghiệp CNTT. Đến năm 2020, số lượng Khu CNTT tập trung là 06 (Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy, Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu CNTT tập trung TP. Cần Thơ) Bên cạnh đó, có mô hình thí điểm Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung được Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập, hoạt động theo chức năng của khu CNTT tập trung).

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2020
Số lượng các khu CNTT tập trung	khu	3	6
Tổng quỹ đất	m ²	524.875	2.426.157
Tổng diện tích văn phòng làm việc	m ²	466.215	1.398.623
Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu	dn	300	trên 800
Tổng số nhân lực đang làm việc trong các khu	người	20.000	trên 42.000

Tỷ lệ lấp đầy của các khu CNTT tập trung đang hoạt động trên cả nước đạt trên 95%. Theo báo cáo của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội, hiện nay một số doanh nghiệp lớn về lĩnh vực CNTT hoạt động trong khu CNTT tập trung đang có nhu cầu lớn về mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh, do vậy rất cần thêm mặt bằng. Các khu như Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy đạt hiệu quả vốn đầu tư với tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước của các đơn vị quản lý khu CNTT tập trung đã nhiều hơn tổng nguồn vốn đầu tư.

a.2- Yêu cầu về tăng cường các hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển

Qua phân tích trên đây, có thể thấy, ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã phát triển rất nhanh, quy mô lớn với tổng doanh thu toàn ngành đã gần cán mốc 120 tỷ đô la Mỹ. Các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã có mặt trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, quy mô lớn của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã bộc lộ nhiều bất cập như tỉ trọng cơ cấu ngành, cơ cấu doanh nghiệp trong ngành; các thách thức đối với công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là các yêu cầu cần tăng cường hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển ngành, cụ thể:

- Yêu cầu về tăng cường bảo đảm chất lượng, độ tin cậy, tiêu chuẩn về môi trường của các thiết bị phần cứng, điện tử - viễn thông; chuẩn hóa về tính năng, chức năng của các sản phẩm phần cứng máy tính; việc bảo đảm chất lượng quy trình phát triển, sản xuất các sản phẩm phần cứng, điện tử - viễn thông.

- Yêu cầu về việc phát triển ngành công nghiệp phần cứng, điện tử - viễn thông Việt Nam theo hướng gia tăng hàm lượng nghiên cứu phát triển, chủ động về thiết kế, tích hợp công nghệ lõi, gia tăng tỉ lệ nội địa hóa, hướng tới phát triển theo chiều sâu thay vì theo chiều rộng và dàn trải như trước đây, với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thể sản xuất được vi mạch và xuất khẩu về lĩnh vực này. Định hướng về thu hút FDI chú trọng vào ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, có thiết lập Viện/Trung tâm R&D tại Việt Nam, có liên doanh và cam kết chuyển giao công nghệ.

- Yêu cầu về làm chủ công nghệ thiết kế và phát triển sản phẩm phần mềm thay vì gia công các công đoạn rời rạc như trước đây; tích hợp công nghệ 4.0, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, nhận dạng hình ảnh... trong phát triển phần mềm. Sau hơn 2 thập kỷ tập trung xây dựng các chính sách ưu đãi đại trà, các doanh nghiệp phát triển theo hướng gia công và làm thuê cho thị trường nước ngoài, những công đoạn chưa yêu cầu cao về sáng tạo, nghiên cứu thiết kế. Hiện ngành công nghiệp phần mềm rất cần định hướng, hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển tập trung sản xuất, tích hợp các giải pháp, các công đoạn tạo giá trị gia tăng lớn, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số của các ngành, của nền kinh tế; giải quyết các bài toán lớn của Việt Nam cũng như của thế giới.

- Yêu cầu về phát triển hệ sinh thái các sản phẩm nội dung số của Việt Nam, hướng tới bảo đảm an toàn thông tin, an ninh quốc gia với mục tiêu gia tăng doanh thu nội dung số trong lĩnh vực viễn thông, hạn chế tối đa các thách thức từ xu thế phát triển sản phẩm, dịch vụ nội dung số xuyên biên giới.

- Yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số, CMCN 4.0, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT Việt Nam khi gia nhập thị trường ASEAN và thế giới. Nhu cầu mới về nguồn nhân lực đặt ra yêu cầu bên cạnh tạo hành lang chính sách hiện đại cần có những biện pháp thực thi, hỗ trợ trực tiếp từ cơ quan quản lý nhà nước như đẩy mạnh áp dụng vào thực tế các chuẩn kỹ năng CNTT chuyên nghiệp và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT để nâng tầm chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu nhân lực 4.0. Xu hướng về “1-ASEAN” đặt ra yêu cầu về công nhận chứng chỉ tương đương, công nhận các chuẩn quốc tế về nhân lực CNTT, để hướng tới một cộng đồng nhân lực CNTT được sử dụng chung trong toàn ASEAN. Yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong tình hình mới cũng đặt ra nhu cầu về đào tạo, đào tạo lại các kỹ năng, kiến thức công nghệ mới nổi phù hợp với ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, thúc đẩy hợp tác giữa ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông và các cơ sở đào tạo.

- Yêu cầu giải quyết nhanh, chủ động các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển sản phẩm, thị trường.

Các yêu cầu cấp thiết trên đây đòi hỏi phải có sự “dịch chuyển” lớn từ tập trung quản lý nhà nước sang tăng cường hoạt động thực thi, hỗ trợ phát triển ngành. Do vậy, việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông - với việc bổ sung, tăng cường các hoạt động thực thi pháp luật, hỗ trợ phát triển ngành là nhu cầu tất yếu đến từ sự phát triển của ngành.

b) Xu thế phát triển mới đặt ra các thách thức về quản lý và các loại hình công nghiệp mới

Trong những năm gần đây, thế giới chứng kiến hàng loạt những tiến bộ khoa học - kỹ thuật thông qua việc xuất hiện các xu thế công nghệ mới, những mô hình sản xuất, kinh tế, xã hội tiên tiến mà mọi quốc gia đều phải quan tâm. Nhiều tổ chức, doanh nghiệp đang triển khai các mô hình kinh doanh, mô hình hoạt động số để nâng cao hiệu quả cạnh tranh, tiếp cận khách hàng. Xuất hiện nhiều sản phẩm kỹ thuật số đột phá được các tổ chức, doanh nghiệp áp dụng để chiếm lĩnh các vị trí cạnh tranh cao, thay đổi diện mạo của thị trường kinh doanh truyền thống. Trong lĩnh vực thương mại, xu thế thanh toán không dùng tiền mặt đang nổi lên với các hình thức, công cụ thanh toán đa dạng, thuận tiện. Nguồn lực của xã hội được sử dụng một cách hiệu quả hơn thông qua xu thế áp dụng mô hình nền kinh tế chia sẻ/ kinh tế cho thuê tài nguyên sản xuất, kinh doanh hiện đang được nhiều doanh nghiệp áp dụng để tạo ra các dịch vụ mới có giá trị cao cho xã hội. Thế giới đang trở nên kết nối hơn thông qua công nghệ Internet cho vạn vật qua đó các thiết bị

thông minh, cảm biến thu thập và cung cấp dữ liệu tức thời giúp đưa ra quyết định quản lý, sản xuất kinh doanh nhanh và chính xác hơn. Với khối lượng dữ liệu khổng lồ có thể thu thập được, việc đẩy mạnh hoạt động phân tích dữ liệu trở thành một xu thế quan trọng nhằm hỗ trợ đổi mới và sáng tạo trong nhiều lĩnh vực. Nguồn nhân lực trong sản xuất được bổ sung mạnh mẽ bằng nguồn lực máy móc thông qua xu thế tự động hóa, ở đó robot dần thay thế con người trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt trong môi trường sản xuất đòi hỏi sự chính xác và khắc nghiệt. Sự bùng nổ của các công nghệ với động lực là công nghệ tính toán đã dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 dựa trên nền tảng của các hệ thống sản xuất mạng - vật lý thông qua việc kết hợp thế giới thực và ảo. Không chỉ trong lĩnh vực sản xuất, sự chuyển đổi số hướng đến nền kinh tế số mang lại cơ hội tăng trưởng lớn cho tất cả các phân đoạn của nền kinh tế với khả năng tiếp cận thị trường trên toàn cầu.

Trong bối cảnh xu thế CNTT phát triển nhanh, đa dạng và phong phú, việc dự đoán, khai thác được các xu thế công nghệ mới giúp doanh nghiệp CNTT chuẩn bị sẵn sàng đón đầu công nghệ, chủ động tham gia tìm kiếm cơ hội kinh doanh trên các thị trường mới, theo một phương thức mới hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí hơn từ đó nâng cao sức cạnh tranh và khả năng hội nhập quốc tế.

Các xu hướng công nghệ mới đã tạo ra cho ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông một lĩnh vực công nghiệp mới là **công nghiệp sản xuất các sản phẩm dịch vụ CNTT ứng dụng công nghệ 4.0**. Công nghiệp 4.0 và nền kinh tế số cũng đặt ra các yêu cầu về việc phát triển hạ tầng kỹ thuật số tích hợp, bảo đảm tính riêng tư và quyền sở hữu dữ liệu trong khi vẫn khuyến khích đầu tư và chia sẻ dữ liệu.

Để quản lý và phát triển lĩnh vực công nghiệp mới này, đòi hỏi cần tăng cường *hoạt động quản lý nhà nước* để có một hệ thống pháp lý về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông uyển chuyển để phù hợp với các công nghệ đột phá. Cần có chính sách để khuyến khích sáng tạo, đổi mới và duy trì tính cạnh tranh trong cung cấp, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ kỹ thuật số. Điều này đặt ra cho cơ quan quản lý nhà nước các yêu cầu về hình thành hành lang pháp lý mới, mềm dẻo mang tính thử nghiệm (sandbox) để tận dụng tốt các lợi thế của công nghệ mới.

Các loại hình kinh doanh công nghệ mới với thời đại của Rô-bốt, của công nghệ trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật cũng đặt ra bài toán lớn về việc tăng cường các hoạt động thực thi pháp luật để kiểm soát chất lượng các sản phẩm công nghệ cao này, để thúc đẩy mặt lợi ích của công nghệ và giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực do công nghệ mang lại.

Như vậy, có thể thấy xu thế phát triển mới đã tạo ra các loại hình công nghiệp mới cho ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đi kèm những thách thức không nhỏ cả về quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về ngành.

c) Công nghệ phát triển nhanh, vòng đời sản phẩm ngắn đòi hỏi một tư duy và mô hình quản lý mới

Để thúc đẩy hiệu quả nhất sự phát triển, để đón nhận tốt nhất các xu thế phát triển mới đặt ra yêu cầu cần có một mô hình quản lý linh hoạt, mềm dẻo hơn trong chức năng thực thi, thúc đẩy phát triển ngành. Đây cũng là những hạn chế của đơn vị tham mưu cấp Vụ như Vụ Công nghệ thông tin hiện nay. *Do không được phân cấp “cứng” để tổ chức thực thi pháp luật mà phân cấp thông qua từng trường hợp cụ thể trên cơ sở báo cáo và được sự đồng ý của Bộ nên đơn vị tham mưu cấp Vụ bị hạn chế về tính linh hoạt, mềm dẻo, kịp thời trong công tác tổ chức thực thi pháp luật, đặc biệt là các hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, xúc tiến, thúc đẩy phát triển thị trường, doanh nghiệp, sản phẩm.* Đặc biệt, trong xu thế phát triển mới, tốc độ phát triển nhanh của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, mỗi quyết định, mỗi biện pháp quản lý, mỗi hành động tổ chức thực thi bị chậm sẽ làm chậm, thậm chí mất cơ hội để phát triển cả một công nghệ và một hệ sinh thái các doanh nghiệp và sản phẩm kèm theo, tác động không nhỏ đến sự phát triển của ngành.

Kết luận: Những bất cập, thách thức phát sinh do thực tiễn phát triển ngành trên đây đặt ra những yêu cầu tăng cường hoạt động thực thi pháp luật, sẽ được giải quyết với việc chuyển từ mô hình cấp Vụ sang mô hình cấp Cục, với việc bổ sung, tập trung thêm các chức năng về triển khai, thực thi chính sách, pháp luật về ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Bài học thành công trên thế giới về tổ chức một đơn vị có chức năng quản lý thúc đẩy ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đã có một số quốc gia đạt được những bước phát triển đột phá về ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông sau khi hình thành một đơn vị có chức năng thực thi, hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành:

Cục Thúc đẩy CNTT Nhật Bản (IPA) được thành lập năm 2004, thuộc Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản. Cục này có các chức năng chính là: Thúc đẩy phát triển phần mềm; các thiết bị thông minh; cải thiện độ tin cậy của các hệ thống xử lý thông tin; thúc đẩy Cách mạng công nghiệp 4.0 tập trung vào các công nghệ IoT, dữ liệu lớn, AI; phát triển nguồn nhân lực CNTT. Một số phòng,

ban chính của Cục này là phòng thúc đẩy đổi mới CNTT, phòng hạ tầng công nghiệp CNTT, Trung tâm phát triển nguồn nhân lực CNTT, Kiểm toán CNTT.

Cục Thúc đẩy công nghiệp CNTT Quốc gia Hàn Quốc (NIPA) được thành lập năm 2009 với mục đích nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông và thúc đẩy phát triển nền kinh tế đất nước thông qua việc hỗ trợ thúc đẩy các công nghệ mới cho các ngành kinh tế. Các nhiệm vụ chính của NIPA có nhiều chức năng mang tính thực thi, bao gồm: nghiên cứu và xây dựng chính sách phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; thiết lập nền tảng phát triển thị trường ICT và hỗ trợ cho hoạt động tiếp thị; hỗ trợ các doanh nghiệp ICT; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ICT. Về cơ cấu tổ chức, NIPA có phòng thúc đẩy công nghiệp phần mềm, phòng hội tụ công nghiệp và công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, phòng thúc đẩy nội dung số, phòng kinh doanh toàn cầu, viện Nghiên cứu chính sách và phần mềm, viện thúc đẩy CNTT và truyền thông...

Tại Trung Quốc, quản lý chất lượng về sản phẩm CNTT, điện tử, viễn thông được nhà nước quan tâm, nằm trong hoạt động chung về quản lý chất lượng do một cơ quan cấp Bộ tiến hành. Trong lĩnh vực ICT, Bộ Công nghiệp và CNTT có tổ chức trực thuộc là Học viện CNTT và truyền thông Trung Quốc (CAICT) có chức năng kiểm thử và chứng nhận. Phạm vi bao gồm các thiết bị điện tử, viễn thông, thiết bị IoT, internet, trí tuệ nhân tạo, chất lượng cơ sở hạ tầng... Chính phủ Trung Quốc có hai dạng chứng nhận chất lượng là chứng nhận bắt buộc và chứng nhận tự nguyện để phù hợp với yêu cầu bảo đảm chất lượng của các dạng sản phẩm khác nhau.

Với sự ra đời sớm của các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ thực thi thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, các nước này đã đạt được những thành tựu lớn trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, tạo ra những đột phá lớn để trở thành những quốc gia đi tiên phong và cũng là những cường quốc trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ tham khảo, chọn lọc một số chức năng, nhiệm vụ của 03 đơn vị tương ứng của 03 nước này để xây dựng chức năng, nhiệm vụ của Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông bảo đảm phù hợp với quản lý nhà nước tại Việt Nam.

4. Kinh nghiệm trong nước về tổ chức bộ máy quản lý các ngành kinh tế theo mô hình Cục

Các ngành kinh tế khác của Việt Nam như công thương, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi, du lịch, giao thông, xây dựng, văn hóa, y tế... đều có đơn vị tổ chức bộ máy theo mô hình cục để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành/lĩnh vực. Ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có vai trò là một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn, dẫn dắt sự phát triển của các ngành kinh tế khác, góp phần bảo đảm an ninh - quốc phòng. Sự phát triển của ngành thu hút được sự quan tâm rộng rãi của toàn xã hội và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước. Vì vậy, tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông của Bộ Thông tin và Truyền thông để tăng cường thực thi, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam góp phần thực hiện nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số quốc gia.

Kết luận về sự cần thiết: Như vậy, có thể thấy việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông là yêu cầu cấp bách, phù hợp thực tiễn phát triển của ngành, có sự tham khảo từ bài học thành công trên thế giới và kinh nghiệm quản lý các ngành kinh tế khác tại Việt Nam.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH LẬP CỤC THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

I. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ THÀNH LẬP CỤC

Căn cứ vào Điều 21 Nghị định 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ, về nội dung Cục thuộc Bộ: Cục là tổ chức thuộc Bộ, thực hiện chức năng **tham mưu tổng hợp** và **giải quyết các vấn đề cụ thể trong một hoặc một số lĩnh vực**, giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ **quản lý nhà nước** và **tổ chức thực thi pháp luật** đối với chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

Căn cứ vào Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, việc thành lập Cục phải đáp ứng 3 tiêu chí tại như sau: (i) *Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;* (ii) *Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà*

nước về chuyên ngành, lĩnh vực; (iii) Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 30 biên chế công chức trở lên.

Đánh giá việc đáp ứng 3 tiêu chí cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 1

Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật chuyên ngành

a) Lĩnh vực quản lý nhà nước của Cục là công nghiệp CNTT và truyền thông (công nghiệp ICT). Điều này đã được quy định trong văn bản pháp luật, cụ thể:

- Nghị định 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông là công nghiệp CNTT, điện tử. Luật công nghệ thông tin năm 2006 và Nghị định 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 quy định Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT.

- Căn cứ theo Nghị định 71/2007/NĐ-CP, công nghiệp CNTT bao gồm 03 loại hình công nghiệp: Công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số. Trong đó, riêng về loại hình công nghiệp phần cứng bao gồm: Máy tính, thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi; điện tử nghe nhìn; điện tử gia dụng; điện tử chuyên dùng; thông tin - viễn thông, thiết bị đa phương tiện; phụ tùng, linh kiện điện tử... Như vậy, loại hình công nghiệp phần cứng về bản chất bao gồm 2 loại hình là công nghiệp phần cứng máy tính và công nghiệp điện tử - viễn thông.

- Căn cứ vào pháp luật chuyên ngành trên đây, cùng với xu thế phát triển mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, phạm vi ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông bao gồm 07 loại hình sau đây:

- 1- Công nghiệp phần mềm
- 2- Công nghiệp phần cứng
- 3- Công nghiệp điện tử - viễn thông
- 4- Công nghiệp nội dung số
- 5- Công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin

6- Công nghiệp sản xuất, phát triển các sản phẩm, giải pháp CNTT ứng dụng công nghệ 4.0

7- Dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

Lĩnh vực quản lý của Cục là công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đang tiếp tục là lĩnh vực đóng góp tỉ trọng lớn nhất trong doanh thu toàn ngành thông tin và truyền thông, đồng thời cũng là ngành có doanh thu rất cao (với hơn 120 tỷ đô la Mỹ năm 2020), có giá trị xuất khẩu lớn.

Như vậy, lĩnh vực quản lý của Cục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Đối tượng quản lý về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông của Cục là bao gồm 4 nhóm sau đây:

- *Các tổ chức, doanh nghiệp phát triển, sản xuất, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo về CNTT.* Theo thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến nay số lượng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này rất lớn, đến hơn **62.000** doanh nghiệp (đến tháng 8/2021).

- *Các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông:* Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông rất đa dạng từ sản phẩm, thiết bị phần cứng, điện tử - viễn thông đến các sản phẩm, dịch vụ phần mềm, nội dung số, và các sản phẩm mới của công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin và công nghiệp 4.0.

- *Các khu CNTT tập trung:* Các khu CNTT tập trung đã được hình thành để hỗ trợ hạ tầng cho các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, điển hình như: Khu Công viên phần mềm Quang Trung TPHCM, Khu CNTT tập trung Cầu Giấy Hà Nội, Khu Công viên phần mềm Đà Nẵng, Khu công nghệ phần mềm ĐHQG TP.HCM (TPHCM), Trung tâm công nghệ phần mềm Cần Thơ (TP Cần Thơ), Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung...

- *Nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông với khoảng 1 triệu lao động.*

Như vậy, Cục có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực phù hợp.

2. Tiêu chí 2

Được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực

Căn cứ vào các văn bản pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông được Đảng và Nhà nước giao quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông với các nhiệm vụ được quy định chi tiết, cụ thể tại Luật công nghệ thông tin năm 2006, Nghị định 71/2007/NĐ-CP, Nghị định 17/2017/NĐ-CP và các văn bản QPPL khác.

Khi được thành lập, Cục được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước như:

(i) Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ, công nhận tương đương về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông;

(ii) Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép và trực tiếp tổ chức thực thi một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức năng được giao như:

- + Hoạt động hỗ trợ phát triển khu công nghệ thông tin tập trung và các mô hình tương đương; hoạt động quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu;

- + Hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số;

- + Hoạt động thúc đẩy các sản phẩm, dịch vụ Make in Vietnam (thiết kế, sáng tạo, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam);

- + Hoạt động quản lý chất lượng (kiểm định, đánh giá, công nhận, kiểm tra, kiểm soát...) sản phẩm, dịch vụ, nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; Thẩm định, xác nhận tỉ lệ Việt hóa, nội địa hóa của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường, thương hiệu cho sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử Việt Nam;

- + Hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin thống kê, chỉ tiêu thống kê về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; phát hành báo cáo, ấn phẩm về ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông;

- + Triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã được phê duyệt;

- + Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư chọn lọc để phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông theo chiều sâu, có giá trị gia tăng cao;

- + Hoạt động thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật, chính sách chuyên ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

Việc ủy quyền, phân cấp thực thi trong triển khai những nhiệm vụ nêu trên là để đáp ứng yêu cầu kịp thời, linh hoạt trong quản lý một ngành đang phát triển rất nhanh. Việc ủy quyền một số nhiệm vụ nêu trên căn cứ vào các lý do sau đây:

1- Về hỗ trợ phát triển thị trường, thương hiệu cho sản phẩm CNTT Việt Nam: Những năm gần đây, Việt Nam tham gia nhiều vào các tổ chức, diễn đàn, cam kết về kinh tế với thế giới, gần nhất là việc tham gia CPTPP. Việc tham gia này mang đến cơ hội lớn đối với các ngành kinh tế trong đó có công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Việc chủ động trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, sản phẩm của Việt Nam tham gia thị trường nước ngoài và thu hút nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh, sản xuất lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam là những hoạt động rất cần thiết. Những việc về xúc tiến đầu tư, thương mại có khối lượng ngày càng tăng do quy mô thị trường, quy mô doanh nghiệp sản phẩm lớn. Bên cạnh đó, xu thế mới hiện nay là hướng đến việc M&A, huy động vốn, liên doanh liên kết để phát triển tại Việt Nam. Vấn đề quảng bá thương hiệu ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam vẫn còn khá hạn chế. Gần đây, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có những hoạt động rất cụ thể, hiệu quả về vấn đề này, chẳng hạn như Chương trình triển lãm sản phẩm “Make in Vietnam” được tổ chức đầu năm 2019. Để thực hiện có hiệu quả công tác này, đòi hỏi rất nhiều nguồn lực và sự chủ động trong việc phối hợp triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

2- Về thực thi các biện pháp thu hút đầu tư chọn lọc để phát triển ngành CNTT theo chiều sâu, có giá trị gia tăng cao: Hiện nay, trong Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định thay đổi quan điểm và phương thức phát triển từ chỗ ưu tiên phát triển mở rộng quy mô sang chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Theo đó, đối với ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thì cần phải xây dựng lại các chiến lược, chính sách quản lý và thúc đẩy phát triển đầu tư nhằm: đối với công nghiệp phần cứng, điện tử chuyên dịch từ chỉ lắp ráp gia công sang nghiên cứu phát triển sản phẩm, phát triển công nghiệp IoT; đối với công nghiệp phần mềm chuyển dần từ gia công phần mềm sang công đoạn phát triển các giải pháp tích hợp hệ thống có giá trị gia tăng cao; phát triển hệ sinh thái nội dung số thuần Việt. Để triển khai các nội dung này cần phải thực hiện từ việc xây dựng chính sách đến việc thực thi quản lý, hướng dẫn cụ thể cho từng nội dung và lĩnh vực, do vậy rất cần có đơn vị cấp Cục được ủy quyền, phân cấp để triển khai nhanh, đồng bộ nhiệm vụ này.

3- Triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển khu CNTT tập trung và các mô hình tương đương: Phát triển các khu CNTT tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng chính để phát triển của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam, tạo nên động lực quan trọng để thực hiện công cuộc đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp trong giai đoạn tới. Sự ra đời của các khu CNTT tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp CNTT hoạt động. Hiện có 04 khu CNTT tập trung hoạt động tại Việt Nam. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh của lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thì đồng thời với đó thì yêu cầu về phát triển khu CNTT tập trung tạo hạ tầng ngày càng bức thiết. Đáp ứng yêu cầu thực tiễn này, công tác quản lý nhà nước về CNTT tập trung cần triển khai đồng bộ từ việc xây dựng quy hoạch tổng thể, chính sách phát triển đến các hoạt động thực thi như: thẩm định thành lập, quản lý vận hành...

4- Về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông: Trong những năm vừa qua, với sự phát triển của lĩnh vực CNTT và viễn thông, các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp mới chỉ tập trung vào đánh giá, kiểm soát chất lượng các sản phẩm phần cứng máy tính, thiết bị viễn thông mà chưa quan tâm nhiều đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ khác thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Chẳng hạn, phần mềm, dịch vụ phần mềm và sản phẩm nội dung số đang được sử dụng rất nhiều trong cơ quan nhà nước, trong các tổ chức, doanh nghiệp và trong cả các hộ gia đình và ngay trong điện thoại cầm tay của cá nhân. Tuy nhiên, việc kiểm soát chất lượng, độ tin cậy, việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với các sản phẩm này còn rất hạn chế, hầu như chưa được thực hiện thấu đáo, dẫn đến người sử dụng “chung sống” một cách tự nhiên với các sản phẩm không rõ, không được bảo đảm về chất lượng, về an toàn, bảo mật thông tin. Kinh nghiệm trên thế giới, các tổ chức quốc tế như ISO/IEC, IEEE đã ban hành nhiều tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng sản phẩm phần mềm. Chính phủ một số nước trên thế giới như Ấn Độ, Trung Quốc đã triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng phần mềm thông qua kiểm định và chứng nhận sản phẩm, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và theo quy trình do các nước tự xây dựng. Việt Nam cũng đã ban hành một số TCVN liên quan đến chất lượng sản phẩm phần mềm, tuy nhiên việc triển khai áp dụng còn hạn chế. Sự phát triển mạnh của xu thế dịch vụ cho thuê phần mềm (software as a service - SaaS) thay đổi cách thức cung cấp, quản lý dịch vụ. Khách hàng không quản lý hệ thống/sản phẩm phần mềm mà sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp thông qua mạng, dẫn tới cần có biện pháp để nâng cao trách nhiệm của nhà cung cấp trong việc quản lý thông tin, dữ liệu của khách hàng, độ tin cậy của dịch vụ khi cung cấp qua

mạng... Thêm nữa, vấn đề kiểm tra vi phạm bản quyền phần mềm, nội dung số cũng chưa được thực thi “rót ráo” dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường CNTT Việt Nam, cản trở sự phát triển của ngành... Điều này đặt ra bài toán lớn cho Bộ Thông tin và Truyền thông về việc cần tăng cường hoạt động thực thi, kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ của ngành, tạo niềm tin cho xã hội. Nhiệm vụ có khối lượng công việc rất lớn do quy mô sản phẩm, đối tượng sử dụng sản phẩm vô cùng lớn.

5- *Về thanh tra chuyên ngành:* Quy mô ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông với 62.000 doanh nghiệp, số lượng sản phẩm và dịch vụ rất lớn, nguồn nhân lực khoảng 1 triệu người... đặt ra bài toán lớn cho Bộ Thông tin và Truyền thông trong hoạt động thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đối với các đối tượng này.

6- *Về tổ chức xây dựng và phát triển hệ thống thống kê, chỉ tiêu thống kê về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông:* Ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã bước đầu có vị thế trên bản đồ thế giới trong một số lĩnh vực như phần mềm, nội dung số, viễn thông. Tuy vậy, cơ sở dữ liệu về ngành còn manh mún dẫn đến khó khăn trong hoạch định chiến lược phát triển. Số liệu thống kê, xếp hạng còn chưa sát với thông lệ quốc tế nên cần tăng cường thực thi. Do đặc thù số lượng doanh nghiệp quản lý trong ngành rất lớn (62.000 doanh nghiệp) và phân tán ở tất cả các địa phương trên toàn quốc, đa số là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cần phải có cơ chế và nguồn lực khả thi để thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát, thu thập số liệu trên quy mô lớn nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ quản lý và xây dựng chính sách phát triển ngành. Do vậy, việc ủy quyền, phân cấp các nhiệm vụ này cho Cục là phù hợp và nâng cao hiệu quả thực thi, thúc đẩy phát triển ngành.

Thực tiễn, trong thời gian qua, hàng năm, Vụ CNTT tiếp nhận và xử lý hàng trăm hồ sơ xin xác nhận, chứng nhận của doanh nghiệp trong và ngoài ngành về các vấn đề liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông: (i) xác nhận cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm để hưởng các chính sách ưu đãi của ngành; (ii) việc công nhận, hỗ trợ pháp lý cho các Khu CNTT tập trung; (iii) việc tính toán, xác nhận, công bố tỷ lệ sản xuất trong nước của các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thương hiệu Việt; (iv) việc hướng dẫn áp dụng danh mục các sản phẩm CNTT, điện tử - viễn thông bị cấm, danh mục sản phẩm hạn chế lưu hành hoặc có điều kiện xuất, nhập khẩu, danh mục sản phẩm CNTT đã qua sử dụng cấm nhập khẩu; (v) việc công nhận và tổ chức triển khai áp dụng các chuẩn kỹ năng nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin

tin và truyền thông, vv.... Trung bình hiện nay Vụ CNTT xử lý khoảng 500 hồ sơ mỗi năm. Tuy nhiên, do xu thế hội nhập quốc tế, các vấn đề về xuất nhập khẩu sản phẩm, công nhận chứng chỉ tương đương, kinh doanh sản phẩm nội dung số xuyên biên giới thì số lượng các hồ sơ hiện nay đang có xu hướng tăng rất nhanh theo từng năm đặt ra ngày càng nhiều các yêu cầu tăng cường hoạt động thực thi hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Đặc biệt, số lượng doanh nghiệp ICT được dự báo sẽ tăng từ khoảng 62.000 hiện nay lên mốc 100.000 trong một vài năm tới nên số lượng có thể lên đến mốc 1.000 hồ sơ mỗi năm.

Về công tác thực thi thúc đẩy phát triển ngành, Vụ Công nghệ thông tin đã được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông giao thực hiện nhiều nhiệm vụ thực thi pháp luật để hỗ trợ phát triển ngành như: (i) Vận hành và Hệ thống CSDL công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Make in Viet Nam tại địa chỉ <http://makeinvietnam.mic.gov.vn> bao gồm thông tin, dữ liệu của các nghiệp và sản phẩm, dịch vụ CNTT được phân theo địa bàn, lĩnh vực hoạt động và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó (doanh thu, lợi nhuận, nộp NSNN, số lao động); (ii) Tổ chức Diễn đàn Quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam thường niên; (iii) Tổ chức Giải thưởng sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam thường niên; (iv) Xây dựng Sách Trắng về CNTT-TT Việt Nam thường niên và Báo cáo Việt Nam ICT Index thường niên...

Như vậy, cục được phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực.

3. Tiêu chí 3:

Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí từ 30 biên chế công chức trở lên

Việc thành lập Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông đáp ứng tiêu chí này dựa trên hai sở cứ sau đây:

- Một là, căn cứ vào quy mô của lĩnh vực quản lý. Lĩnh vực quản lý nhà nước của Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông với dự kiến 07 lĩnh vực “con” bao gồm: 1- Công nghiệp phần mềm, 2- Công nghiệp phần cứng, 3- Công nghiệp điện tử - viễn thông, 4- Công nghiệp nội dung số, 5- Công nghiệp về dịch vụ CNTT, 6- Công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin, 7- Công nghiệp 4.0; căn cứ vào **đối tượng quản lý** của Cục với hơn **62.000** doanh nghiệp (tính đến tháng 8/2021), rất nhiều sản phẩm và dịch vụ CNTT đang hiện diện trong mọi mặt của đời sống; là một trong những ngành có doanh thu lớn nhất với hơn

120 tỷ đô la Mỹ; có thể thấy quy mô lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là rất lớn. Điều này đặt ra yêu cầu số lượng nhân sự đủ lớn để thực hiện các nhiệm vụ quản lý và thúc đẩy sự phát triển của ngành.

- Hai là, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ hiện có của Vụ Công nghệ thông tin và các chức năng, nhiệm vụ dự kiến bổ sung thêm cho Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông. Trong giai đoạn 2010 - 2015, để triển khai các nhiệm vụ được Lãnh đạo Bộ phân công, Vụ Công nghệ thông tin đã được biên chế 36 cán bộ, công chức. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các chủ trương về tinh giản biên chế và đặc thù quy mô cấp Vụ, số lượng biên chế hiện tại của Vụ đã điều chỉnh giảm chỉ còn 24 biên chế được bố trí theo 06 nhóm việc làm bao gồm 01 nhóm lãnh đạo Vụ, 05 nhóm chuyên môn - nghiệp vụ, 01 nhóm hỗ trợ - phục vụ. Số lượng biên chế hạn chế cũng là cản trở lớn trong việc triển khai các hoạt động thực thi hỗ trợ phát triển ngành của Vụ Công nghệ thông tin trong thời gian qua. Căn cứ vào Quyết định số 1596/QĐ-BTTTT ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, so với thời điểm được Bộ Nội vụ phê duyệt 24 biên chế công chức nêu trên, Vụ Công nghệ thông tin được giao thêm 03 nhóm chức năng, đi kèm là các nhiệm vụ lớn gồm:

- + Bổ sung thêm mảng công nghiệp điện tử - viễn thông.
- + Bổ sung thêm mảng công nghiệp 4.0, doanh nghiệp công nghệ số,
- + Bổ sung thêm mảng Công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin.

Do vậy, việc bổ sung thêm biên chế công chức là yêu cầu tất yếu với 03 mảng việc mới. Số lượng biên chế công chức tối thiểu dự kiến sẽ là khoảng 46 người, bảo đảm tiêu chí thành lập Cục và phòng trong Cục (*Chi tiết về dự kiến vị trí việc làm và số lượng biên chế công chức trong Phần thứ ba, mục V*).

Như vậy, khối lượng công việc của Cục yêu cầu phải bố trí từ 30 biên chế công chức trở lên.

Kết luận: Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ.

II. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC LẠI TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 5, Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ, tổ chức hành chính được tổ chức lại khi “**có sự điều chỉnh về chức**

năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, phạm vi, đối tượng quản lý” hoặc **“hoạt động không hiệu quả”** theo đánh giá của cơ quan thẩm quyền quản lý.

Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông đáp ứng điều kiện về tổ chức lại tổ chức hành chính khi **“có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, phạm vi, đối tượng quản lý”**, cụ thể như sau:

- Theo Quyết định số 1596/QĐ-BTTTT ngày 02/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Công nghệ thông tin là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện *chức năng tham mưu* giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông bao gồm: *công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu CNTT tập trung*. Về mặt tổ chức, biên chế, hiện tại, Vụ Công nghệ thông tin đã bố trí **30** cán bộ, công chức theo 06 nhóm việc làm bao gồm 01 nhóm lãnh đạo Vụ, 05 nhóm chuyên môn – nghiệp vụ, 01 nhóm hỗ trợ - phục vụ.

- Theo phương án tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông tại Phần thứ ba dưới đây, Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện *chức năng tham mưu* giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và ***tổ chức thực thi pháp luật*** về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông bao gồm: *công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu CNTT tập trung, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin; công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông ứng dụng công nghệ 4.0*.

Như vậy, chức năng, nhiệm vụ có sự bổ sung thêm về **“tổ chức thực thi pháp luật”** và phạm vi, đối tượng quản lý có sự bổ sung thêm về **“công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin; công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông ứng dụng công nghệ 4.0”**.

Kết luận: Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông đáp ứng điều kiện về tổ chức lại tổ chức hành chính theo quy định tại Nghị định 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN THÀNH CỤC CÔNG NGHIỆP CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ

1. Mục tiêu

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thực thi hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam.

2. Phạm vi, đối tượng quản lý

Ngoài **chức năng tham mưu**, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông còn thực hiện chức năng, nhiệm vụ **tổ chức thực thi** chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

Đối tượng quản lý về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông của Cục bao gồm 4 nhóm sau đây:

- Các tổ chức, doanh nghiệp phát triển, sản xuất, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo về CNTT.
- Các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.
- Các khu CNTT tập trung.
- Nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

II. LOẠI HÌNH VÀ TÊN GỌI CỦA TỔ CHỨC

1. Tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin để thành lập Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông. Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Tên gọi: **Cục Công nghiệp CNTT và Truyền thông**. Tên viết tắt tiếng Việt: **Cục Công nghiệp ICT**.

Tên tiếng Anh: Authority of Information Technology and Communications Industry. Tên viết tắt tiếng Anh: AITCI.

III. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

1. Vị trí, chức năng

Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông là tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước

và tổ chức thực thi pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông bao gồm: công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số và dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp phần cứng, điện tử, công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông, khu CNTT tập trung, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; công nghiệp sản xuất, phát triển sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin; công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông ứng dụng công nghệ 4.0.

Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông có con dấu và tài khoản để giao dịch theo quy định của pháp luật, có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định ban hành, bảo đảm có hai nhóm chính sau đây:

- Nhóm **chức năng tham mưu** giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông như: Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền ban hành văn bản, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án.. về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

- Nhóm **chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực thi** chính sách, pháp luật về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông. Khi được thành lập, Cục được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông **phân cấp, ủy quyền** thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước như:

- (i) Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ, công nhận tương đương về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông;

- (ii) Cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi các loại giấy phép và trực tiếp tổ chức thực thi một số nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chức năng được giao như:

- + Hoạt động hỗ trợ phát triển khu công nghệ thông tin tập trung và các mô hình tương đương; hoạt động quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu;

- + Hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số;

- + Hoạt động thúc đẩy các sản phẩm, dịch vụ Make in Vietnam (thiết kế, sáng tạo, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam);

- + Hoạt động quản lý chất lượng (kiểm định, đánh giá, công nhận, kiểm tra, kiểm soát...) sản phẩm, dịch vụ, nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin và

truyền thông; Thẩm định, xác nhận tỉ lệ Việt hóa, nội địa hóa của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường, thương hiệu cho sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam;

- + Hoạt động xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin thống kê, chỉ tiêu thống kê về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; phát hành báo cáo, ấn phẩm về ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông;

- + Triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đã được phê duyệt;

- + Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư chọn lọc để phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông theo chiều sâu, có giá trị gia tăng cao;

- + Hoạt động thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật, chính sách chuyên ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Lãnh đạo

Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng.

2. Văn phòng Cục

- Thực hiện các hoạt động tổ chức, hành chính, văn thư - lưu trữ, bảo đảm cơ sở vật chất, quản lý cán bộ, thi đua - khen thưởng, khoa học - công nghệ và công tác tổng hợp khác.

- Xây dựng, lập kế hoạch; công tác kế toán - tài chính, tài sản; xây dựng các định mức thu, chi; công tác quản lý đầu tư, nguồn vốn.

3. Các phòng chuyên môn

1- Phòng Chính sách và Pháp chế

- Chịu trách nhiệm là đầu mối chính của Cục về xây dựng các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; thanh tra, kiểm tra thực thi pháp luật, chính sách chuyên ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; thực hiện chức năng pháp chế của Cục; xây dựng chính sách quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

- Đầu mối quản lý và tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

2- Phòng Phát triển doanh nghiệp ICT

- Xây dựng và thực thi chính sách thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp ICT, các doanh nghiệp công nghệ số.

- Thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường trong và ngoài nước cho sản phẩm CNTT Việt Nam; thực hiện các hoạt động về tạo thuận lợi cho sản phẩm CNTT Việt Nam trong các hiệp định thương mại quốc tế và các phương án bảo hộ công nghiệp sản xuất trong nước; triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư phát triển ngành.

- Thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy phát triển sản phẩm, dịch vụ Make in Vietnam (sáng tạo, thiết kế, thử nghiệm, sản xuất tại Việt Nam).

3- Phòng Thông tin và Hợp tác quốc tế

- Xây dựng cơ chế chính sách và phát triển hệ thống thống kê, chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển cơ sở dữ liệu về thống kê công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

- Đầu mối về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp CNTT; tổ chức và tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về các lĩnh vực của Cục.

4- Phòng Phát triển hạ tầng và nhân lực công nghiệp ICT

- Xây dựng và thực thi chính sách phát triển hạ tầng cho công nghiệp CNTT bao gồm: khu CNTT tập trung, chuỗi công viên phần mềm; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án đầu tư phát triển khu CNTT tập trung, chuỗi công viên phần mềm.

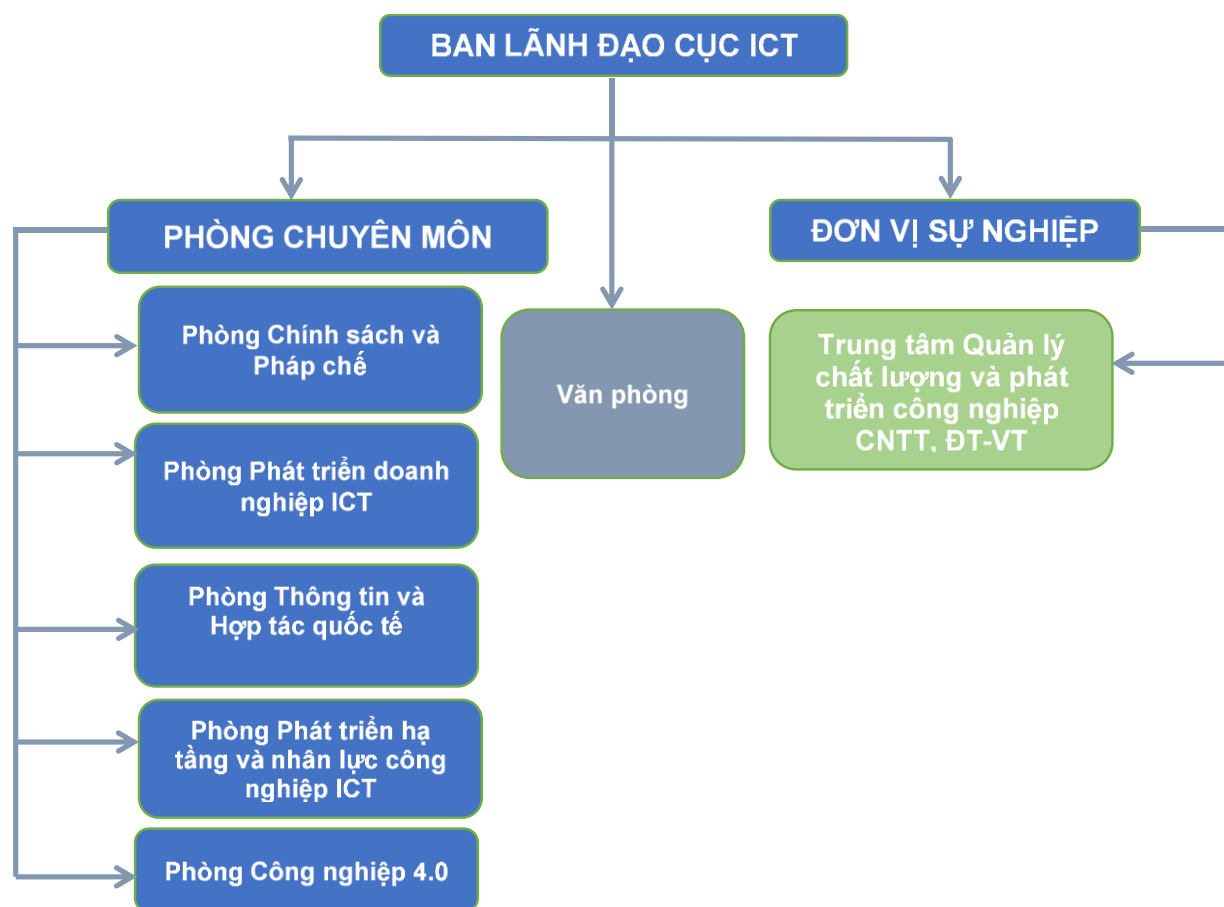
- Xây dựng và thực thi chính sách; cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ, công nhận tương đương về nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là nguồn nhân lực 4.0.

- Xây dựng và thực thi chính sách quản lý dịch vụ trung tâm dữ liệu, quản lý và thúc đẩy triển khai điện toán đám mây.

5- Phòng Công nghiệp 4.0

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật số, các công nghệ mới, các hệ sinh thái, các nền tảng phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế số.

- Xây dựng và thực thi chính sách; cấp, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận, chứng chỉ, công nhận tương đương về lĩnh vực công nghiệp 4.0 và công nghiệp sản xuất sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin.



Hình 4: Mô hình tổ chức của Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông

4. Trung tâm sự nghiệp

Cục có 01 đơn vị sự nghiệp trực thuộc là: **Trung tâm Quản lý chất lượng và Phát triển công nghiệp ICT** có chức năng, nhiệm vụ chính là:

1. Thực hiện các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.
2. Phối hợp với các đơn vị của Cục nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.
3. Triển khai các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN về lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông:

- Dịch vụ Bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp CNTT phục vụ CMCN 4.0.

- Dịch vụ Quản lý, vận hành, duy trì hệ thống thông tin số liệu và thu thập, khai thác, phân tích cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

4. Thực thi các hoạt động nhằm quản lý chất lượng (kiểm định, đánh giá, công nhận, kiểm tra, kiểm soát...) sản phẩm, dịch vụ, nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; Thẩm định, xác nhận tỉ lệ Việt hóa, nội địa hóa của sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

5. Duy trì, vận hành và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; thực hiện quản lý và hoạt động dịch vụ về cơ sở dữ liệu thống kê của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; thực hiện thu thập, biên soạn, xuất bản báo cáo toàn cảnh, báo cáo chuyên đề, ấn phẩm về số liệu thống kê tổng hợp, dự báo thống kê tình hình phát triển về ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

6. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông theo phân công của Cục trưởng Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông.

7. Tổ chức xúc tiến đầu tư, hợp tác quốc tế, xúc tiến thương mại trong lĩnh vực Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông theo quy định của pháp luật nhằm thu hút đầu tư, giới thiệu, cung cấp thông tin, quảng bá hình ảnh sản phẩm, doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam;

8. Tổ chức tập huấn, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông cho các cơ quan, tổ chức và các doanh nghiệp.

9. Tổ chức cung cấp các dịch vụ có thu về công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, bao gồm: Bồi dưỡng và đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ cách mạng công nghiệp 4.0; tư vấn xây dựng kế hoạch, chiến lược, chương trình, dự án về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; tư vấn lập dự toán chi phí, lập định mức, đơn giá, xác định giá trị các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; tư vấn chuyển giao giải pháp kỹ thuật, công nghệ, quy trình liên quan đến phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

Các Phòng có Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng; Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

V. SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC, BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC

1. Số lượng người làm việc

Dự kiến Cục sẽ có 3 nhóm vị trí việc làm như sau:

- Nhóm lãnh đạo, quản lý gồm: 04 lãnh đạo Cục, 06 lãnh đạo cấp trưởng phòng và tương đương, 06 lãnh đạo cấp phó phòng (tương ứng 05 phòng chuyên môn và 01 văn phòng). Tổng cộng số lượng biên chế công chức đối tượng này là **16**.

- Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Vị trí việc làm được bố trí theo các phòng chuyên môn (05 phòng), mỗi phòng có tối thiểu 05 vị trí việc làm (không tính lãnh đạo phòng). Tổng cộng số biên chế công chức đối tượng này là **25**.

- Nhóm hỗ trợ, phục vụ (Văn phòng) gồm: Hành chính - tổng hợp, quản trị, kế hoạch, kế toán, thủ quỹ, văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu... Tổng cộng số lượng biên chế công chức là **05** (không tính lãnh đạo phòng).

Như vậy, mỗi phòng chuyên môn và Văn phòng dự kiến có 07 biên chế (áp dụng theo đúng quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 101/2020/NĐ-CP). Căn cứ vào dự kiến vị trí việc làm như trên, dự kiến số lượng biên chế công chức tối thiểu là **46**.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2026, Bộ TTTT sẽ chủ động sắp xếp biên chế của Cục Công nghiệp CNTT&TT trên cơ sở số lượng biên chế được giao của Bộ TTTT đảm bảo đáp ứng các quy định có liên quan.

2. Trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện làm việc

Trụ sở làm việc của Cục sẽ do Bộ Thông tin và Truyền thông bố trí, sắp xếp trên cơ sở vật chất hiện có phù hợp với quy định.

Việc mua sắm trang thiết bị làm việc dùng chung do Cục đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

VI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

- Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho các cán bộ, công chức làm việc tại các phòng chuyên môn và văn phòng, được mở tài khoản tại ngân hàng và kho bạc Nhà nước theo quy định.

- Nguồn kinh phí hoạt động của Cục:

+ Kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp.

- + Các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- + Các nguồn thu khác từ các chương trình, kế hoạch, đề án và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

VII. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC VÀ LỘ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

1. Phương án tổ chức

- Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án Tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thông qua Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan, trình Chính phủ quyết định.

- Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông.

- Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quy trình bổ nhiệm lãnh đạo Cục theo quy định, xây dựng phương án đầu tư cải tạo và mua sắm trang thiết bị làm việc, đồng thời xây dựng định mức ngân sách cho Cục trong giai đoạn đầu mới thành lập trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện bố trí, sắp xếp nhân sự hiện có và tuyển dụng bổ sung nhân sự theo kế hoạch được duyệt; Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện tuyển dụng nhân sự để bố trí cho Cục.

2. Lộ trình hoạt động của Cục

Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Đề án gửi lấy ý kiến các cơ quan (kèm vào Hồ sơ thay thế Nghị định 17/2017/NĐ-CP) liên quan trình Chính phủ xem xét quyết định trong Quý IV năm 2021.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định 17/2017/NĐ-CP, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Cục, thực hiện bổ nhiệm, tuyển dụng, sắp xếp bộ máy tổ chức theo quy định trong Quý II năm 2022.

Dự kiến Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông chính thức hoạt động kể từ ngày 01/06/2022.

Từ tháng 6/2019, Cục thực hiện củng cố tổ chức bộ máy, tuyển dụng, bố trí nhân sự, ban hành các nội quy, quy chế nội bộ của Cục và xây dựng, triển khai các chức năng, nhiệm vụ theo quy định; xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 và các năm tiếp theo.

PHẦN THỨ TƯ

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc tổ chức lại Vụ Công nghệ thông tin thành Cục Công nghiệp CNTT và truyền thông thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông là nhu cầu khách quan, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và phù hợp với tinh thần của các Nghị quyết của Đảng, cụ thể:

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khoá XI) về đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thành ngành kinh tế - kỹ thuật tăng trưởng nhanh và bền vững, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng phát triển kinh tế tri thức;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, trong đó coi ngành công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là một trong những ngành ưu tiên tập trung phát triển để đưa Việt Nam chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.